**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **Nội dung 1:**  **Mở đầu về trồng trọt** | ***Vai trò triển vọng của trồng trọt*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5%** |
| ***Một số nhóm cây trồng phổ biến*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Phương thức trồng trọt*** |  |  | 1 | 2,5 |  |  |  |  | 1 |  | 2,5 | **5%** |
| ***Ngành nghề trong trồng trọt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2:**  **Quy trình trồng trọt** | ***Làm đất bón phân lót*** | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | **10%** |
| ***Gieo trồng*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Chăm sóc*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Phòng trừ sâu bệnh hại*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Thu hoạch sản phẩm trồng trọt*** |  |  | 1 | 2,5 |  |  |  |  | 1 |  | 2,5 | **5%** |
| ***Lập kế hoạch tính toán chi phí*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | ***Nhân giống cây trồng*** |  |  | 1 | 2,5 | 1 | 8 |  |  | 1 | 1 | 10,5 | **15%** |
| **3** | **Nội dung 3**  **Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng** | ***Vai trò của rừng*** | 2 | 3 | 2 | 5 |  |  |  |  | 4 |  | 8 | **20%** |
| ***Các loại rừng***  ***phổ biến*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Trồng chăm sóc và bảo vệ rừng*** | 3 | 4,5 | 1 | 2,5 |  |  |  |  | 4 |  | 7 | **20%** |
| ***Bảo vệ rừng*** |  |  |  |  | 1 | 10 |  |  |  | 1 | 10 | **20%** |
| **Tổng** | | | **8** | **12** | **6** | **15** | **2** | **18** |  |  | **14** | **2** | **45** | **100%** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **30** | |  | | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** | **100** |

**Ghi chú:**

- Đề kiểm tra gồm hai loại câu hỏi: trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận (TL).

- Số lượng câu hỏi phân bổ trong các đơn vị kiến thức được xác định dựa vào mức độ yêu cầu cần đạt, số lượng chỉ báo và thời lượng dạy học thực tế của từng đơn vị kiến thức đó.

- Loại câu hỏi tùy thuộc vào mức độ nhận thức: Với mức độ nhận biết và thông hiểu nên sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan; với mức độ vận dụng và vận dụng cao nên sử dụng loại câu hỏi tự luận.

- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bổ ở tất cả các đơn vị kiến thức và mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.

- Tỉ lệ điểm phân bổ cho các mức độ nhận thức: khoảng 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao.

- Trong đề kiểm tra cuối kì, tỉ lệ điểm dành cho phần nửa đầu học kì chiếm khoảng 1/3.

- Số lượng câu hỏi ở mức nhận biết trong khoảng 12 – 16; ở mức thông hiểu trong khoảng 6 – 12; ở mức vận dụng và vận dụng cao trong khoảng 1 – 3.

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **Nội dung 1:**  **Mở đầu về trồng trọt** | ***Vai trò triển vọng của trồng trọt*** | 1 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 | **5%** |
| ***Một số nhóm cây trồng phổ biến*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Phương thức trồng trọt*** |  |  | 1 | 2,5 |  |  |  |  | 1 |  | 2,5 | **5%** |
| ***Ngành nghề trong trồng trọt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2:**  **Quy trình trồng trọt** | ***Làm đất bón phân lót*** | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | **10%** |
| ***Gieo trồng*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Chăm sóc*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Phòng trừ sâu bệnh hại*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Thu hoạch sản phẩm trồng trọt*** |  |  | 1 | 2,5 |  |  |  |  | 1 |  | 2,5 | **5%** |
| ***Lập kế hoạch tính toán chi phí*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | ***Nhân giống cây trồng*** |  |  | 1 | 2,5 | 1 | 8 |  |  | 1 | 1 | 10,5 | **15%** |
| **3** | **Nội dung 3**  **Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng** | ***Vai trò của rừng*** | 2 | 3 | 2 | 5 |  |  |  |  | 4 |  | 8 | **20%** |
| ***Các loại rừng***  ***phổ biến*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Trồng chăm sóc và bảo vệ rừng*** | 3 | 4,5 | 1 | 2,5 |  |  |  |  | 4 |  | 7 | **20%** |
| ***Bảo vệ rừng*** |  |  |  |  | 1 | 10 |  |  |  | 1 | 10 | **20%** |
| **Tổng** | | | **8** | **12** | **6** | **15** | **2** | **18** |  |  | **14** | **2** | **45** | **100%** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **30** | |  | | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** | **100** |

**Ghi chú:**

- Đề kiểm tra gồm hai loại câu hỏi: trắc nghiệm khách quan (TNKQ) và tự luận (TL).

- Số lượng câu hỏi phân bổ trong các đơn vị kiến thức được xác định dựa vào mức độ yêu cầu cần đạt, số lượng chỉ báo và thời lượng dạy học thực tế của từng đơn vị kiến thức đó.

- Loại câu hỏi tùy thuộc vào mức độ nhận thức: Với mức độ nhận biết và thông hiểu nên sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan; với mức độ vận dụng và vận dụng cao nên sử dụng loại câu hỏi tự luận.

- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bổ ở tất cả các đơn vị kiến thức và mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.

- Tỉ lệ điểm phân bổ cho các mức độ nhận thức: khoảng 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao.

- Trong đề kiểm tra cuối kì, tỉ lệ điểm dành cho phần nửa đầu học kì chiếm khoảng 1/3.

- Số lượng câu hỏi ở mức nhận biết trong khoảng 12 – 16; ở mức thông hiểu trong khoảng 6 – 12; ở mức vận dụng và vận dụng cao trong khoảng 1 – 3.

**KHUNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Nội dung 1:**  **Mở đầu về trồng trọt** | ***Vai trò, triển vọng của trồng trọt*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của trồng trọt đối với đời sống   con người và nền kinh tế.   * Nêu được triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam. | **1** |  |  |  |
| ***Các nhóm cây trồng*** | **Nhận biết**:   * Kể tên được một số nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam (cây lương thực, cây ăn quả, cây rau…). Cho ví dụ minh họa   **Thông hiểu :**  Nêu được bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng của một số loại cây trồng phổ biến. |  |  |  |  |
| ***Phương thức trồng trọt*** | **Nhận biết:**  Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta.  **Thông hiểu:**  Nêu được ưu, nhược điểm của một số phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta.  **Vận dụng cao:**  Đề xuất được phương thức trồng trọt phù hợp cho một số đối tượng cây trồng phổ biến ở địa phương. |  | **1** |  |  |
| ***Trồng trọt theo công nghệ cao*** | **Nhận biết:**  Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của trồng trọt công  nghệ cao. |  |  |  |  |
| ***Nghành nghề trong trồng trọt*** | **Nhận biết:**  Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề  phổ biến trong trồng trọt.  **Thông hiểu**  Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt. |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2:**  **Quy trình trồng trọt** | ***Làm đất, bón phân lót*** | **Nhận biết:**  Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt.  - Nêuđược các công việc làm đất trồng cây, các cách bón phân lót.  Trình bày được mục đích của việc làm đất, bón phân lót.  **Thông hiểu:**  Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc làm đất, bón phân lót.  **Vận dụng:**  Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc làm đất, bón phân lót cho một đối tượng cây trồng cụ thể.  Vận dụng kiến thức làm đất và bón phân lót với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. | **2** |  |  |  |
| ***Gieo trồng*** | **Nhận biết:**  **-** Nêu được các phương thức gieo trồng phổ biến.  **-**Nêu được các mùa vụ gieo trồng chính ở nước ta.  **Thông hiểu:**  Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc gieo trồng.  **Vận dụng:**  Vận dụng kiến thức về gieo trồng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| ***Chăm sóc*** | **Nhận biết:**  - Kể tên được các công việc chính để chăm sóc cây trồng.  Trình bày được mục đích của việc chăm sóc cây trồng.  **Thông hiểu:**  Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của việc chăm sóc cây trồng (tỉa dặm cây, làm cỏ, vun xới, tưới tiêu nước, bón phân thúc).  **Vận dụng:**  Vận dụng kiến thức về chăm sóc cây trồng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| ***Phòng trừ sâu, bệnh hại*** | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số biện pháp chính phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  Trình bày được nguyên tắc của việc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  Nêu được mục đích của việc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  **Thông hiểu:**  Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  Trình bày được ưu, nhược điểm của các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  **Vận dụng cao:**  Lựa chọn được các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng phù hợp với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| ***Thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm trồng trọt*** | **Nhận biết**:  - Kể tên được một số phương pháp chính trong thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm trồng trọt. Cho ví dụ minh họa.  Trình bày được mục đích của việc bảo quản, chế biến sản phẩm trồng trọt.  **Thông hiểu:**  Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của một số biện pháp thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm trồng trọt.  **Vận dụng cao:**  Lựa chọn được biện pháp thu hoạch, bảo quản sản phẩm trồng trọt phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| ***Nhân giống cây trồng bằng giâm cành*** | **Nhận biết:**  - Nêu được các bước trong quy trình giâm cành.  **Thông hiểu:**  Trình bày được yêu cầu kĩ thuật của các bước trong quy trình giâm cành.  **Vận dụng:**  Vận dụng kiến thức về giâm cành vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương |  | **1** |  |  |
| ***Lập kế hoạch, tính toán chi phí trồng, chăm sóc một loại cây trồng*** | **Nhận biết:**  Giải thích được lý do lựa chọn đối tượng cây trồng, nguyên vật liệu phục vụ trồng và chăm sóc cây.  **Vận dụng:**  Lập được kế hoạch trồng và chăm sóc một loại cây trồng phù hợp.  **Vận dụng cao:**  Tính toán được chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng phù hợp. |  | **1** |  | **1** |
| **3** | **Nội dung 3:**  **Trồng và chăm sóc bảo vệ rừng** | ***Vai trò của rừng*** | **Nhận biết:**  **-** Trình bày được khái niệm về rừng, các vai trò chính của rừng. | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Trình bày được vai trò của từng loại rừng. |  | 2 |  |  |
| ***Các loại rừng***  ***phổ biến*** | **Nhận biết:**  - Nêu được các loại rừng phổ biến ở nước ta.  **Thông hiểu:**  -Phân biệt được những loại rừng phổ biến ở nước ta  ( Rừng phòng hộ , rừng đặc dụng, rừng sản xuất) |  |  |  |  |
| ***Trồng chăm sóc và bảo vệ rừng*** | **-Nhận biết :**  - Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu  -Tóm tắt được quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần.\_  -Nêu được các công việc chăm sóc rừng | 3 |  |  |  |
| Thông hiểu:  Giải thích được ý nghĩa của các bước trong quy trình trồng rừng.  -Giải thích được ý nghĩa của các bước trong quy trình chăm sóc rừng |  | 1 |  |  |
| **Vận dụng :**  Vận dụng kiến thức trồng chăm sóc rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình và địa phương |  |  |  |  |
| ***Bảo vệ rừng*** | **Nhận biết:**  -Trình bày được một số biện pháp bảo vệ rừng  **Thông hiểu :**  -Giải thích đượcý nghĩa của việc bảo vệ rừng.  -Nêu được một số việc nên làm và không nên làm để bảo vệ rừng  **Vận dụng:**  -Vận dụng kiến thức bảo vệ rừng vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương. |  |  | 1 |  |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  |

***Lưu ý:***

- Với câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một hoặc một số trong các đơn vị kiến thức.

- Kiểm tra lại sự phù giữa đề kiểm tra và ma trận đề

**PHÒNG GD & ĐT PHÚ RIỀNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1**

**TRƯỜNG…………………….. NĂM HỌC: 2022-2023**

**MÔN CÔNG NGHỆ**

**(Thời gian 45 phút không kể thời gian phát đề)**

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1**. Trồng trọt có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp trứng, sữa cho con người. B. Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất muối ăn.

C. Cung cấp lương thực cho con người. D. Cung cấp thịt cho xuất khẩu.

**Câu 2.** Một trong những ưu điểm của phương thức trồng trọt trong nhà có mái che là

A. Tiến hành đơn giản. B. Chi phí đầu tư thấp.

C. Cây trồng không cần chăm sóc. D. Có thể trồng được rau trái vụ.

**Câu 3**. Một trong những mục đích của việc cày đất là

A. San phẳng mặt ruộng. B. Thuận lợi cho việc chăm sóc.

C. Làm tăng độ dày lớp đất trồng. D. Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây trồng.

**Câu 4.** Trong các quy trình dưới đây, đâu là thứ tự đúng khi làm đất trồng cây?

1. Cày đất → Bừa hoặc đập nhỏ đất → Lên luống.
2. Cày đất → Lên luống → Bừa hoặc đập nhỏ đất.
3. Bừa hoặc đập nhỏ đất → Cày đất → Lên luống.
4. Lên luống → Cày đất → Bừa hoặc đập nhỏ đất.

**Câu 5.** Trong nhân giống bằng phương pháp giâm cành, chọn cành giâm có đặc điểm nào sau đây?

A. Cành càng non càng tốt. B. Cành bánh tẻ.

C. Cành càng già càng tốt. D. Cành càng to càng tốt.

**Câu 6**. Việc sử dụng thùng xốp đã qua sử dụng để trồng rau an toàn có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giúp cây nhanh lớn. B. Hạn chế nguồn sâu bệnh.

C. Thuận lợi cho việc chăm sóc. D. Bảo vệ môi trường.

**Câu 7**. Nội dung nào sau đây KHÔNG phải là một trong những vai trò của rừng

A. Điều hòa không khí. B. Cung cấp lương thực cho xuất khẩu.

C. Là nơi sống của động, thực vật rừng. D. Cung cấp gỗ cho con người.

**Câu 8**. Bảo vệ di tích lich sử, danh làm thắng cảnh là vai trò của loại rừng nào sau đây?

A. Rừng phòng hộ. B. Rừng sản xuất.

C. Rừng đặc dụng. D. Rừng đầu nguồn.

**Câu 9**. Quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu gồm mấy bước?

A. 7. B. 6. C. 5. D. 4.

**Câu 10.** Trong quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần KHÔNG có bước nào sau đây?

A. Rạch bỏ vỏ bầu. B. Đặt cây vào hố.

C. Đào hố trồng cây. D. Lấp đất kín gốc cây.

**Câu 11.** Một trong các công việc chăm sóc rừng là

A. Làm hàng rào bảo vệ. B. Đốt nương làm rẫy.

C. Chăn thả gia súc. D. Phòng chống cháy rừng.

**Câu 12**. Việc bón phân định kì trong quá trình chăm sóc rừng có tác dụng nào sau đây?

1. Kích thích sự phát triển của cỏ dại.
2. Hạn chế sự phát triển của sâu, bệnh hại.
3. Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây rừng.
4. Làm cho đất tơi xốp, tạo điều kiện cho rễ cây phát triển.

**Câu 13**. Bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng cần vứt ở đâu?

A. Nơi có bải rác B. Nơi có nguồn nước

C. Nơi không có dân cư sinh sống D. Nơi có thùng chứa theo qui định

**Câu 14**. Tác dụng của việc bón vôi cho đất là gì?

A. Khử mặn B. Khử phèn

C. Khử chua D. Khử phèn, khử mặn

**B. TỰ LUẬN (3 điểm):**

**Câu 1( 1đ).** Để tạo môi trường đất cho cây rau phát triển tốt thì cần chuẩn bị đất như thế nào?

**Câu 2 ( 2 đ)** Gia đình An muốn trồng vườn cao su, nhưng đất vườn nhà bạn An phần lớn là đất dốc, nhiều đá. Vậy với đặc điểm đất như trên thì nên chọn hình thức trồng cây con có bầu hay cây con rễ trần? Vì sao?

# ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

* 1. **TRẮC NGHIỆM (7 điểm) : Mỗi câu 0,5 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | **C** | **D** | **C** | **A** | **B** | **D** | **B** | **C** | **D** | **A** | **A** | **C** | **D** | **C** |

* 1. **TỰ LUẬN (3 điểm):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1:** | * Vệ sinh đất trồng: * Đối với đất củ đã trồng cây nên phơi khô đất trước khi trồng một tuần để loại trừ sâu bệnh * Thu dọn tàn dư cây trồng * Làm đất và cải tạo đất * Làm đất tơi xốp * Trộn đất với phân bón lót * Bón vôi. | 0.25  0.25  0.5 |
| Câu 2 | * Để cây phát triển tốt gia đình An nên chọn hình thức trồng cây con có bầu * Vì:   + Điều kiện đất đai khô cằn, đồi dốc, nghèo dinh dưỡng  + Với cây con có bầu thì khi bứng cây con và di chuyển thì bộ rễ ít bị tổn thương đồng thời trong bầu đất đã có sẵn phân bón nên khi trồng cây con có bầu sẽ có tỉ lệ sống cao hơn. | 0.75  0.5  0.75 |

DANH SÁCH NHÓM 2 PHÚ RIỀNG

1. Phạm Ngọc Phượng
2. Nguyễn Thụy Nguyên
3. Lê Thị Châu
4. Hồ Thị Lan
5. Nguyễn Thị Diễm
6. Nguyễn Thanh Hương